

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-BTNMT ngày tháng năm 2021 về việc phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra các quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp mang tính quản lý tổng hợp để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển xây dựng và điều chỉnh các chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ trong lĩnh vực và quyền hạn được phân công nhằm khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo phục vụ phát triển

các ngành kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018.

- Tài nguyên biển và hải đảo là nguồn lực quan trọng của đất nước, phải được khai thác, sử dụng bền vững cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, các giá trị văn hóa, xã hội, lịch sử, nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển và hải đảo.

- Khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khoa học công nghệ tiên tiến và nguồn nhân lực chất lượng cao; nguồn đầu tư bền vững và nhận thức toàn dân; chủ động tận dụng tối đa tri thức và nguồn lực quốc tế. [PNSon]

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác, sử dụng bền vững, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu; đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo, được duy trì và phục hồi; các giá trị di sản văn hóa biển được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, biến đổi khí hậu và nước biển dâng được ứng phó hiệu quả. [MTNhuân]

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

a) Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác, sử dụng bền vững, công bằng phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế biển, nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa biển, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển và hải đảo; [MTNhuân, TNTinh]

b) Ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu; các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và trên biển, các vấn đề về ô nhiễm xuyên biên giới, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương và sinh vật ngoại lai xâm hại được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả;

c) Đa dạng sinh học, cấu trúc và chức năng của các hệ sinh thái cũng như nguồn lợi sinh vật biển và hải đảo được bảo tồn, phục hồi và phát triển;

d) Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng được tăng cường, đạt trình độ ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực; ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; [MTNhuân]

đ) Điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học biển phát triển hiện đại, đáp ứng được yêu cầu của hoạt động khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển và hải đảo, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến

đôi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển. [MTNhuân]

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác, sử dụng bền vững cho phát triển kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn, cac-bon thấp, xã hội hài hoà với thiên nhiên nhằm góp phần quan trọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn, tham gia chủ động và có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương. [MTNhuân]

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA CHIẾN LƯỢC

1. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

a) Phân vùng không gian biển cho các mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên; bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi; bảo tồn các di sản văn hóa biển, và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Đối với phân vùng không gian biển cho các mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo, ưu tiên bố trí không gian biển cho hoạt động của các ngành như sau: [PNSon]

- Phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng; du lịch văn hóa; du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ;

- Phát triển hệ thống cảng biển xanh, thiết lập vùng biển đặc biệt nhạy cảm (PSSA), tuyến hàng hải, có tính đến những biến động về bồi cảnh trong khu vực và quốc tế;

- Tìm kiếm thăm dò khoáng sản, dầu khí, các dạng hydrocarbon phi truyền thống tại các bể trầm tích vùng nước sâu xa bờ;

- Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển, khai thác thủy sản xa bờ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản;

- Phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế với các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ nền tảng, công nghệ nguồn;

- Phát triển năng lượng tái tạo và ngành kinh tế biển mới thân thiện môi trường.

c) Đẩy mạnh và ưu tiên nguồn lực cho các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn [PNSon], phù hợp với trữ lượng và sức chứa của hệ thống tài nguyên; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

d) Nâng cao hiệu quả sử dụng các công cụ quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ cấp tỉnh và liên tỉnh; hành lang bảo vệ

bờ biển trong quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nhằm giảm thiểu xung đột, lãng phí tài nguyên. [PNSon]

đ) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định quốc tế về phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển, chẳng hạn như dán nhãn sinh thái, chứng chỉ du lịch bền vững, các quy định về ngăn chặn khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU).

e) Tăng cường năng lực bộ máy quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo đủ thẩm quyền thực hiện công tác điều phối, phối hợp các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo giữa các bộ, ngành và địa phương. [PNSon]

g) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đào tạo, hỗ trợ chuyên đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng; bảo tồn các di sản văn hóa biển bằng các giải pháp chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

h) Thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế đảo kết hợp với bảo vệ quốc phòng, an ninh, nhất là các đảo tiền tiêu thông qua các giải pháp ưu đãi về chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị..

2. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo

a) Thực hiện định kỳ công tác điều tra, thống kê, phân loại, quan trắc và đánh giá các loại hình ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm môi trường biển và hải đảo thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

b) Điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường, xác định cấp độ rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo cho phát triển kinh tế biển; phân vùng rủi ro và lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển; công bố các khu vực biển, hải đảo vượt sức chịu tải môi trường.

c) Ưu tiên nguồn lực triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 (Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ) và Đề án Việt Nam chủ động chuẩn bị và tham gia xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa đại dương (Quyết định số 1407/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

d) Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp về khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển, hải đảo, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu; tích hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của các bộ, ngành và địa phương vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia.

đ) Kiện toàn tổ chức và xây dựng các công cụ, phương tiện, chế tài nhằm tăng cường hiệu quả công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

3. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển và hải đảo

a) Bảo vệ, duy trì hệ thống các khu bảo tồn hiện có; điều tra, khảo sát, đánh giá đề xuất thành lập các khu bảo tồn mới trên các vùng biển, ven biển và hải đảo; tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học ngoài khu bảo tồn.

b) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

c) Thiết lập, mở rộng và tăng cường năng lực quản lý các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản.

d) Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, gây nuôi và buôn bán xuyên biên giới các loài sinh vật biển hoang dã thuộc danh mục cần được bảo tồn.

đ) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; kiểm soát chặt chẽ sự du nhập các giống, loài thủy sản ngoại lai và sự du nhập sinh vật ngoại lai qua hoạt động vận tải biển.

4. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

a) Nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực trên vùng biển và ven biển.

b) Triển khai các giải pháp thích ứng, trong đó có giải pháp thích ứng dựa vào hệ sinh thái (EBA) và các giải pháp dựa vào tự nhiên (NBS) nhằm giảm thiểu thiệt hại do các tác động liên quan đến những thay đổi của khí hậu trong tương lai đối với từng lĩnh vực cụ thể.

c) Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai để chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; thường xuyên cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

d) Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, vùng, miền; nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh; củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách; phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

đ) Quy hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng, bố trí sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai; củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước đô thị lớn; chống sạt lở bờ sông, bờ biển; triển khai các giải pháp công trình, phi công trình ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn.

5. Điều tra cơ bản biển và hải đảo

a) Ưu tiên triển khai các đề án, dự án thuộc Chương trình trọng điểm về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, đồng thời với các chương trình điều tra cơ bản thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và

các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển theo Nghị quyết 36-NQ/TW.

b) Tiếp tục điều tra có tính chu kỳ đối với các loại tài nguyên, môi trường có sự biến động mạnh như tài nguyên sinh vật, nguồn lợi hải sản, quan trắc môi trường, hải văn.

c) Đẩy mạnh điều tra cơ bản kết hợp với nghiên cứu khoa học để phát hiện các loại tài nguyên mới, xác định các khu vực có tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển và tại các vùng biển xa, các vùng biển quốc tế liền kề.

d) Từng bước đổi mới hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

đ) Điều tra, lập danh mục phân loại hải đảo kết hợp với xây dựng và số hoá hồ sơ tài nguyên hải đảo nhằm mục tiêu khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên hải đảo của Việt Nam.

6. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên, các công nghệ chế biến sâu làm tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm khai thác, các công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển mới.

b) Xác định và củng cố cơ sở khoa học, thực tiễn; nghiên cứu đề xuất các giải pháp, ứng dụng công nghệ đột phá trong điều tra, đánh giá tài nguyên biển, hải đảo, đặc biệt ở những vùng biển sâu, biển xa, các dạng tài nguyên mới, tài nguyên tái tạo; các công nghệ quan trắc, điều tra ngầm dưới nước, trên không, không người lái.

c) Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn xác định chức năng, phân vùng chức năng các khu vực biển; năng lực chịu tải của vùng biển trong khai thác, sử dụng tài nguyên.

d) Xây dựng và phát triển công cụ, thiết bị, hệ thống hỗ trợ ra quyết định kiểm soát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; giám sát môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển theo hướng tích hợp, tự động, thời gian thực.

đ) Thúc đẩy, củng cố hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, kiểm soát các nguồn ô nhiễm xuyên biên giới, ứng phó sự cố tràn dầu, tràn hoá chất và các sự cố môi trường khác trên các vùng biển của Việt Nam.

e) Đẩy mạnh việc xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế song phương, đa phương về lĩnh vực biển, hải đảo.

g) Tích hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của các bộ, ngành và địa phương vào hệ thống thông tin tổng hợp và cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường toàn quốc.

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC

a) Tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có liên quan đến mục tiêu Chiến lược của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được đề ra trong Phụ lục của Chiến lược này.

IV. GIẢI PHÁP TỔNG THỂ

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện Chiến lược; nâng cao hiệu quả, đa dạng hoá các hình thức, nội dung tuyên truyền về tài nguyên, môi trường biển và đảo, Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trong toàn hệ thống chính trị, nhân dân. Phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân giám sát và phản biện xã hội việc thực hiện Chiến lược.

2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho triển khai Chiến lược; tích cực tham gia và chủ động thúc đẩy hình thành cơ chế toàn cầu và khu vực liên quan đến tài nguyên biển và hải đảo.

Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển kinh tế xã hội kết hợp bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các đảo, đặc biệt là các đảo tiền tiêu.

Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp về biển từ trung ương đến địa phương bảo đảm hiện đại, đồng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn cao; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, giữa trung ương với địa phương về công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và đảo; hình thành cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chiến lược.

3. Phát triển khoa học, công nghệ

Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh nghiên cứu, xác lập luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý nhà nước tài nguyên biển và hải đảo; gắn các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với công tác điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

Đầu tư phát triển trang thiết bị, phương tiện, nguồn nhân lực cho nghiên cứu khoa học, công nghệ hiện đại; hình thành các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng

công nghệ sinh học biển, khai thác đáy biển sâu, công nghệ vũ trụ, viễn thám trong giám sát biển.

Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và khối tư nhân, thông qua các chính sách khuyến khích, vào công tác phát triển khoa học, công nghệ biển, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chế biến sâu, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường.

Xây dựng chính sách, quy định pháp luật khuyến khích để phát huy tri thức cộng đồng trong phát triển khoa học, công nghệ biển và hải đảo.

4. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về quản lý, nghiên cứu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá; chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển; chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng các biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển.

Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng, bảo tồn bền vững tài nguyên và môi trường biển; thực hiện nghiêm túc các điều ước, thoả thuận khu vực và quốc tế về biển mà Việt Nam đã tham gia; nghiên cứu tham gia các điều ước quốc tế quan trọng về biển, trước mắt ưu tiên các lĩnh vực về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học biển. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

5. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học. Phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường; có cơ chế, chính sách đặc biệt thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia đạt trình độ quốc tế, có chuyên môn sâu về biển và đại dương.

Có cơ chế hỗ trợ, nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nguồn nhân lực biển đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân.

6. Xây dựng cơ chế tài chính bền vững phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm đa dạng hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, bao gồm ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển phục vụ quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đảm bảo nguồn tài chính ổn định và có kế hoạch.

Tăng cường đầu tư cho các cơ quan quản lý nhà nước về biển từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt chú trọng đầu tư cho các lực lượng trực tiếp tham gia kiểm tra, kiểm soát trên biển.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, các định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực biển và hải đảo. rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách để thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công.

Đẩy mạnh hơn nữa xây dựng và áp dụng các công cụ kinh tế và chính sách trong quản lý môi trường biển, như: lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sử dụng biển, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế, cấp phép và thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng biển, đảo, các quỹ môi trường biển và các khoản trợ cấp khác. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí trong việc các bên liên quan được hưởng các lợi ích từ khu bảo tồn biển, các quy định hỗ trợ người dân trong khu bảo tồn biển chuyển đổi sinh kế và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ban, ngành trong việc xây dựng, vận hành khu bảo tồn biển.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Cơ chế điều phối liên ngành và liên địa phương

Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được thành lập theo Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ là cơ quan điều phối liên ngành và liên địa phương cho việc thực hiện Chiến lược.

2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chiến lược

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp rà soát, đánh giá thực trạng để đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên biển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và hải đảo.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược.

- Đầu mỗi tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của các ngành và địa phương phù hợp với mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ của Chiến lược này theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật liên quan.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách tài chính, huy động các thành phần kinh tế tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp của Chiến lược.

d) Các Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ của Chiến lược này.

- Tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

d. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển

- Căn cứ Chiến lược, tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án theo định hướng, nhiệm vụ của Chiến lược trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

- Tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

3. Đánh giá việc thực hiện Chiến lược

- Việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược được thực hiện thông qua các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án theo định hướng, nhiệm vụ của Chiến lược của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và theo các chỉ tiêu của Chiến lược này.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phụ lục 1**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC CHO GIAI ĐOẠN 2021 – 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng năm của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

TT	Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính
1	Tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có liên quan đến mục tiêu Chiến lược của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	
2	Đề án “Rà soát hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên, môi trường biển, hải đảo của các bộ, ngành và địa phương để bổ sung và hoàn thiện”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển
3	Đề án “Đổi mới hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ KH&CN; Bộ TT&TT
4	Chương trình “Điều tra tổng thể và lập danh mục phân loại đảo kết hợp với xây dựng và số hoá hồ sơ tài nguyên hải đảo”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ TT&TT; UBND 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.
5	Xây dựng và triển khai Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ liên tỉnh	Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển
6	Đề án “Điều tra, kiểm kê và phân loại nguồn thải, nguồn gây ô nhiễm biển và hải đảo; xây dựng cơ sở dữ liệu về	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ TT&TT; Bộ KH&CN.

TT	Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính
	nguồn thải, nguồn gây ô nhiễm biển và hải đảo và bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm và sức chịu tải của vùng biển có rủi ro ô nhiễm cao”		
7	Đề án “Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo và ứng phó với biến đổi khí hậu”	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông

Phụ lục 2**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng năm của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Kết quả đến 2030
I	Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo		
I.1	Phân vùng không gian biển và hải đảo		Hoàn thành phân vùng cho các ngành kinh tế khai thác sử dụng tài nguyên thông qua quy hoạch không gian biển và quy hoạch vùng bờ
I.2	Tăng cường áp dụng các công cụ QLTH biển và hải đảo		28 tỉnh thành phố trực thuộc trung ương có biển xây dựng, ban hành và thực hiện hiệu quả Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ.
			28 tỉnh có biển thiết lập và quản lý hiệu quả hành lang bảo vệ bờ biển
I.3.	Tăng cường năng lực bộ máy QLTH biển và hải đảo		100% các tỉnh thành lập ban điều phối quản lý tổng hợp biển và hải đảo, được đầu tư đủ nguồn lực và hoạt động hiệu quả
II	Bảo vệ môi trường biển và hải đảo		
II.1	Đánh giá sức chịu tải môi trường		Hoàn thành đánh giá sức chịu tải môi trường tại các vùng rủi ro ô nhiễm cao ở vùng biển ven bờ.
II.2	Tăng cường hệ thống giám sát, quan trắc tổng hợp		Hệ thống giám sát, quan trắc tổng hợp được hoàn thiện, hoạt động hiệu quả và được kết nối và tích hợp dữ liệu với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về TNMT biển và hải đảo quốc gia
II.3	Kiểm soát nguồn gây ô nhiễm		100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt vùng ven biển được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Kết quả đến 2030
			Tỷ lệ thu hồi, xử lý rác thải nhựa tại các bãi biển, khu du lịch biển và khu bảo tồn biển đạt 100%.
III	Bảo tồn đa dạng sinh học		
III.1	Mở rộng và tăng cường quản lý các khu bảo tồn		Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 3 – 5 % diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia
III.2	Bảo tồn đa dạng sinh học ngoài khu bảo tồn		80% các khu vực biển có đa dạng sinh học cao, dịch vụ hệ sinh thái quan trọng được áp dụng chính sách bảo tồn hiệu quả
			Diện tích rừng ngập mặn ven biển được phục hồi tối thiểu bằng mức năm 2000
III.3	Bảo tồn nguồn lợi thủy sản		100% các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản được thiết lập và hoạt động hiệu quả
IV	Ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng		
IV.1	Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu		Hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu được hiện đại hóa và được kết nối thông suốt
IV.2	Nâng cao khả năng chống chịu của các hệ thống tự nhiên và xã hội		Năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu được lồng ghép vào chiến lược, quy hoạch phát triển của các ngành và địa phương
V	Điều tra cơ bản		
V.1	Phạm vi điều tra		Tối thiểu 50% diện tích vùng biển Việt Nam được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1: 500.000
			Toàn bộ vùng biển độ sâu 0-30m nước được điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên môi trường biển ở tỷ lệ

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Kết quả đến 2030
			1/100.000 trong đó các vùng trọng điểm kinh tế, an ninh quốc phòng, triển vọng khoáng sản được điều tra tỷ lệ 1/50.000-1/25.000